

Bài báo nghiên cứu

QUÁ TRÌNH NHẬP VIỆT TỊCH CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1955-1975

Trịnh Thị Mai Linh^{1*}, Hoàng Dương Minh Tâm²

¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường THCS Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Trịnh Thị Mai Linh – Email: linhhtm@hcmute.edu.vn

Ngày nhận bài: 25-5-2021; ngày nhận bài sửa: 09-7-2021; ngày duyệt đăng: 20-7-2021

TÓM TẮT

Bài viết tập trung tìm hiểu quá trình nhập Việt tịch của cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam ở hai giai đoạn 1955-1963 và 1963-1975. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa được thành lập ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 bắt đầu đưa ra các biện pháp trên phương diện pháp luật, hành chính nhằm nhanh chóng đưa cộng đồng người Hoa trở thành công dân của Việt Nam Cộng hòa với đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của một công dân chính thể cộng hòa. Bài viết khai thác phần lớn tài liệu lưu trữ có liên quan đến các biện pháp của chính quyền Sài Gòn nhằm quản lý quốc tịch của người Hoa thông qua các văn bản luật mà chính quyền Sài Gòn đã ban hành; từ đó, cung cấp nguồn tư liệu đáng tin cậy để nghiên cứu về cộng đồng người Hoa ở Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn lịch sử.

Từ khóa: chính quyền Sài Gòn; nhập tịch của người Hoa; người Hoa ở miền Nam Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Cộng đồng người Hoa¹ ở Việt Nam có những đóng góp nhất định trên nhiều lĩnh vực với tư cách là một trong những tộc người cấu thành nên dân tộc Việt Nam. Việc nghiên cứu chính sách của chính quyền Sài Gòn đối với cộng đồng người Hoa ở Việt Nam nhằm góp phần cung cấp dữ liệu cho việc nghiên cứu về lịch sử cộng đồng người Hoa ở Việt Nam. Với mục tiêu làm rõ những nét khái quát về quá trình nhập Việt tịch của người Hoa và đặc điểm trong chính sách quản lý vấn đề quốc tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955-1975), chúng tôi chia quá trình này thành hai thời kỳ cho phù hợp với điều kiện lịch sử và sự thay đổi về chính sách nhập Việt tịch cho cộng đồng người Hoa dưới thời chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Khái niệm “người

Cite this article as: Trịnh Thị Mai Linh, & Hoàng Dương Minh Tâm (2021). The naturalization of the Hoa communities in Southern Vietnam from 1955 to 1975. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(7), 1289-1298.

¹ Danh xưng “người Hoa” dùng để chỉ một nhóm người của đất nước Trung Hoa di cư đến Việt Nam, sinh sống và định cư nhiều đời trên đất nước Việt Nam. Cùng với lịch sử hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam là tên gọi “người Hoa” ra đời và phát triển.

Hoa” được đề cập trong bài viết dùng để chỉ những người Hoa ở miền Nam Việt Nam, gắn với bối cảnh xã hội của miền Nam Việt Nam, với thực thể thống trị là chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH).

2. Quá trình nhập Việt tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955-1975)

2.1. Thời kì 1955-1963

2.1.1. Với nhóm người Hoa sinh sống tại Việt Nam

Nhóm người Hoa được sinh ra tại Việt Nam gồm hai đối tượng: Minh Hương và Hoa kiều thổ sinh (Phan, 2005). Nhóm này đương nhiên có quốc tịch Việt Nam. Chính quyền Sài Gòn chỉ thi hành các biện pháp nhằm điều chỉnh tình trạng quốc tịch của họ cho phù hợp với những quy định mới. Theo Đặc ủy Nha Trung Hoa Sự vụ² thì “vấn đề Hoa kiều phải giải quyết sớm, điều này rất quan trọng, vì rồi đây chúng ta cần phải lo đến việc kiểm tra ngoại kiều theo *Nghị định số 54-BNV/CTP5* ngày 13/9/1956 của Bộ Nội vụ” (Office of the President of the First Republic, 1954-1963, Folder: 6579).

Việc điều chỉnh tình trạng quốc tịch của người Hoa bao gồm hai bước:

Bước thứ nhất, người Hoa nộp *Thẻ lưỡng niên*: Dưới thời Pháp thuộc, người Hoa sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam được chính quyền thực dân Pháp cấp phát cho một thẻ có tên là *Căn cước chỉ lưỡng niên ngoại kiều*, hưởng quy chế đặc biệt và *Á kiều* gọi tắt là *Thẻ lưỡng niên*. Để tiến hành việc thu nhận *Thẻ lưỡng niên* của người Hoa sinh tại Việt Nam, Nha Trung Hoa Sự vụ ra thông báo:

Theo Dụ số 48 ngày 21/8/1956 sửa đổi đạo luật về quốc tịch Việt Nam, tất cả những Hoa kiều ở trong những trường hợp này có phận sự đến ngay các Tòa Thị sảnh quận ở Đô thành Sài Gòn hoặc văn phòng Quận trưởng và Tỉnh trưởng ở các Tỉnh để xin hợp thức hóa tình trạng, nghĩa là xin lãnh giấy căn cước (thẻ kiểm tra) mà mỗi công dân Việt Nam phải có, và đồng thời xin Việt Nam hóa tên họ ngay. Nha Trung Hoa Sự vụ ân cần nhắc nhở nhóm công dân mới này phải tuân theo luật lệ đã ban hành để hưởng mọi quyền lợi dành cho công dân Việt Nam. Sau một thời gian ngắn kể từ ngày ra Thông cáo này, mọi biện pháp thích nghi sẽ được áp dụng để luật lệ ban hành được triệt để tôn trọng (Office of the President of the First Republic (1954-1963). Folder: 6579, p.4)

Theo Đặc ủy Nha Trung Hoa Sự vụ: “đến cuối tháng 10 dương lịch, chỉ có một số rất ít Hoa kiều sinh ở Việt Nam và mặc nhiên được quốc tịch Việt Nam đến xin hợp pháp hóa tình trạng của họ.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 6579, p.5). Vì thế, Nha Trung Hoa Sự vụ yêu cầu các tỉnh áp dụng ngay biện pháp: mời tất cả Hoa kiều lên phòng làm việc của quận trưởng, để giải thích cho họ hiểu về việc phải nhập Việt tịch theo như luật định và điều chỉnh tình trạng cho những Hoa kiều ở trong tình

² Chính quyền VNCH thành lập Nha Trung Hoa Sự vụ (THSV) đặt tại Phủ Tổng thống ngày 10-9-1956. Nguyễn Văn Vàng được cử làm Đặc ủy Nha THSV tại Phủ Tổng thống, kiêm Phó Đô trưởng Sài Gòn để có điều kiện tiếp xúc hàng ngày với người Hoa. Cơ quan này có nhiệm vụ đề ra một chính sách liên quan đến mọi vấn đề người Hoa ở miền Nam Việt Nam.

trạng phải điều chỉnh ngay tại buổi gặp.

Ngoài ra, Đặc ủy Nha Trung Hoa Sự vụ còn căn dặn: “Tổng thống rất lưu tâm đến vấn đề quốc tịch và muốn thấy vấn đề quốc tịch giải quyết càng sớm càng tốt.” (Office of the President of the First Republic (1955-1963), Folder: 6579, p.9). Đồng thời, ngày 17/4/1957, Bộ Nội vụ ban hành Nghị định quy định những thẻ căn cước lưỡng niên đã cấp cho những Hoa kiều sinh tại Việt Nam đều bị coi là vô giá trị. Thẻ lưỡng niên bắt đầu được Hoa kiều sinh tại Việt Nam đem nộp cho chính quyền Sài Gòn từ ngày 17/4/1957 đến ngày 09/5/1957 tại: Tòa đô sảnh hoặc các quận (nếu ở Đô thành Sài Gòn) và các cơ quan hành chánh địa phương (thị trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng) nếu ở các tỉnh. Khi việc giao nộp *Thẻ lưỡng niên* hoàn tất thì nhà chức trách sẽ cấp phát chứng chỉ trở thành công dân VNCH cho những người Hoa sinh tại Việt Nam đã đem nộp Thẻ lưỡng niên. Sau khi người Hoa ở miền Nam Việt Nam nộp *Thẻ lưỡng niên* và lấy biên nhận thì người Hoa ở miền Nam Việt Nam chính thức trở thành công dân VNCH.

Do đến ngày 24/12/1956 chỉ có 1863 người Hoa nhập Việt tịch, nên để vấn đề nhập Việt tịch của Hoa kiều thổ sinh được hợp thức hóa nhanh chóng, ngày 26/12/1956, Nha Trung Hoa Sự vụ buộc phải gửi *Công điện số 8-THSV* cho các tỉnh “để dãi về thủ tục xin nhập Việt tịch rồi sẽ điều chỉnh tình trạng sau.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963). Folder: 18718, p.3). Sau đó, Nha Trung Hoa Sự vụ đưa ra biện pháp *Lập tờ khai danh dự*. Biện pháp này được Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ thông báo cho Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp VNCH tại *Thông tư số 118/THSV* ngày 27/12/1956 cho phép các cơ quan nhận việc chuyển tịch của người Hoa chỉ cần một tờ kê khai danh dự của đương sự khai là đã sinh tại Việt Nam, mặc dù trên thẻ căn cước cũ của họ có ghi là sinh tại Trung Hoa.

Lẽ dĩ nhiên, sau đó có nhiều người Hoa thực sự sinh ở Trung Hoa cũng dùng tờ khai danh dự là sinh ở Việt Nam để trở thành công dân VNCH. Bởi vì, người Hoa sinh tại Việt Nam muốn nhập Việt tịch đúng theo tinh thần của Dự thứ 10 thì đương sự phải xin nhiều giấy tờ để lập hồ sơ và phải chờ ít nhất từ 3 đến 5 tháng mới có kết quả. Ngoài ra, với tổng số 182.397 Hoa kiều thổ sinh cần điều chỉnh tình trạng thì các cơ quan hành chính và tư pháp không đủ nhân viên và thời gian để giải quyết số lượng lớn hồ sơ trong một thời gian ngắn.

Để gây áp lực đối với số Hoa kiều do dự không chịu nhập Việt tịch, tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ), trong một báo cáo gửi Nha Trung Hoa Sự vụ ngày 27/7/1957 cho biết đã áp dụng các biện pháp sau: “1) Cảnh sát của quận và tỉnh mỗi ngày sẽ tiến hành xét một số giấy căn cước của Hoa kiều thổ sinh, nhất là những Hoa kiều giàu và buộc phải điều chỉnh tình trạng ngay; 2) Khi Hoa kiều ở trong các công sở thì kiểm soát giấy tờ tùy thân của Hoa kiều trước khi giải quyết bất cứ một công việc nào liên quan đến họ.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.13). Theo chính quyền tỉnh Phong Dinh, với việc ép buộc như vậy, giới người Hoa cũng tán đồng vì họ sẽ tránh bị chỉ trích từ những đồng bào của họ, chính quyền sẽ tiến hành kiểm tra giấy của những người Hoa khá giả trước để gây tiếng vang với những người Hoa khác.

Như vậy, với biện pháp *Lập tờ khai danh dự*, đến ngày 30/6/1958 số người Hoa xin nhập Việt tịch lên tới 98.876 người/182.397 người mà trong *Thẻ lương niên* ghi là sinh ở Trung Hoa. Vì thế, Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ VNCH yêu cầu các đô trưởng, tỉnh trưởng, thị trưởng chấm dứt việc thu nhập Hoa kiều thổ sinh khai nhận Việt tịch kể từ ngày nhận được Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ VNCH. Đồng thời, chính phủ VNCH xác nhận “không có sự phân biệt giữa người Việt chính thức và người Trung Hoa nhập Việt tịch theo Dụ số 48 ngày 21/8/1956.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 4988, p.4).

Bước thứ hai, người Hoa sinh tại Việt Nam đổi tên họ. Đồng thời với việc thay đổi tình trạng quốc tịch, nhóm người Hoa sinh tại Việt Nam phải xin Việt Nam hóa tên, họ trong một thời hạn theo tinh thần của Dụ số 52 ngày 29/8/1956 và xin những giấy tờ kiểm tra mới.

Đối tượng áp dụng Dụ số 52 là người *Minh Hương, Hoa kiều thổ sinh* đã điều chỉnh tình trạng và Hoa Kiều đã nhập Việt tịch theo Sắc lệnh của Tổng Thống VNCH. Thời hạn để Hoa kiều thổ sinh đã nhập Việt tịch tiến hành đổi tên là 6 tháng; Ngày hết hạn xin đổi tên là ngày 08/3/1957, quá hạn trên đương sự sẽ phải xin đổi tên ở Tòa án và bị phạt từ 200 đồng đến 2000 đồng. Sau đó, chính quyền VNCH phải gia hạn thêm một tháng cho việc tiến hành đổi tên.

Trong việc sửa đổi tên Việt Nam, điều kiện tất yếu là người xin phải có quốc tịch VNCH. Vậy trước khi muốn áp dụng Dụ số 52, thì phải áp dụng xong Dụ số 48. Đương sự vị thành niên và thành niên có khác. Theo chính quyền Sài Gòn, thi thành Dụ số 48 và Dụ số 52 tức là người Hoa sinh tại lãnh thổ Việt Nam chính thức trở thành công dân VNCH với đầy đủ bổn phận và nghĩa vụ của công dân. Chính quyền Sài Gòn quả quyết không có vấn đề gia nhập hay không gia nhập quốc tịch Việt Nam mà là vấn đề điều chỉnh tình trạng của người Minh Hương và Hoa kiều thổ sinh.

2.1.2. Với nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam

- Kiểm soát nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam

Trước đây nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam với tư cách ngoại kiều, còn gọi là Hoa kiều, sử dụng *Thẻ lương niên* để lưu trú ở Việt Nam. Đến khi số đông người Hoa tại Việt Nam đã nộp Thẻ lương niên và khai nhận Việt tịch, thì ngày 30/4/1957, Tổng thống VNCH quyết định thay thế *Thẻ lương niên* bằng một thẻ mới có tên là thẻ cư trú hàng năm cấp cho ngoại kiều cư trú trong nước trên ba tháng. Mỗi thẻ sẽ đóng một số thuế nhất định và tiền thu thuế sẽ được nhập vào quỹ quốc gia.

Để kiểm tra Hoa kiều (với tư cách ngoại kiều), ngày 13/9/1956, Bộ trưởng Nội vụ VNCH ban hành *Nghị định số 54-BNV/CT/P5* mở cuộc kiểm tra ngoại kiều trên toàn miền Nam Việt Nam. Theo Nghị định, chính quyền Sài Gòn quy định: “Ngoại kiều nam nữ từ 18 tuổi trở lên, ngoại kiều được phép tạm trú không quá ba tháng và thực sự không lưu trú quá thời hạn đó trong lúc thi hành cuộc điều tra.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963). Folder: 21643, p.18). Kể từ ngày 22/3/1957, việc kiểm tra ngoại kiều được

tiến hành gấp rút và phải hoàn thành trong thời gian 3 tháng, tức ngày 22/6/1957 phải hoàn tất; Nhưng sau đó ngày 19/7/1957, Bộ Nội vụ VNCH gia hạn đến ngày 10/8/1957. Hết thời hạn này, những Hoa kiều không có thể kiểm tra hợp pháp sẽ bị trừng phạt theo luật định và bị trục xuất. Việc kiểm tra này không liên quan đến nhóm người Hoa sinh tại Việt Nam, vì những người này đương nhiên có quốc tịch Việt Nam theo tinh thần của Dự số 10 và Dự số 48. Để việc kiểm tra Hoa kiều diễn ra nhanh chóng, Bộ Nội vụ cho phép các Lí Sự trưởng ở một vài địa phương được lãnh mẫu *Tờ khai lí lịch ngoại kiều* do chính phủ in sẵn, phát lại cho kiều bào của họ với giá chính thức.

Đến ngày 30/4/1957, theo quyết định của Tổng thống VNCH thì ngoại kiều trên lãnh thổ VNCH chia làm hai hạng: “1. Hạng tạm trú, lưu ngụ dưới 3 tháng chỉ cần chiếu khán nhập nội; 2. Hạng thường trú, lưu ngụ tại Việt Nam trên 3 tháng được cấp thẻ cư trú hàng năm (thay thế *Thẻ lương niên*).” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.22). Thực hiện việc kiểm tra của chính quyền Sài Gòn, đến ngày 06/7/1957 số Hoa kiều khai kiểm tra là 21.732 người, phân chia ra như sau: Tại Đô thành Sài Gòn là 15.557 người; Tại các tỉnh là 6175 người.

- Nhập tịch cho nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam

Ban đầu, nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam được phép nhập Việt tịch theo các điều kiện quy định ở Dự số 10 đã ấn định những quy định dành cho ngoại kiều muốn xin nhập tịch Việt tịch: Phải đủ 18 tuổi (Điều 53); Có hạnh kiểm tốt (Điều 55); Đồng hóa với toàn thể người Việt Nam, nhất là hiểu biết tiếng Việt (Điều 56); Đủ sức khỏe (Điều 57). Về sau, để việc nhập tịch của người Hoa diễn ra nhanh chóng, chính quyền Sài Gòn ban hành Dự số 58 ngày 25/10/1956, Điều thứ 58 điạp: “Riêng người Trung Hoa có thể được Tổng Thống tùy mỗi trường hợp đặt cách miễn các điều kiện trên để nhập quốc tịch Việt Nam.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.27). Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn còn ban hành *Sắc lệnh số 43-TP* ngày 29/3/1956 quy định thủ tục xét đơn xin nhập Việt tịch, hồi tịch và bỏ quốc tịch VNCH của ngoại kiều. Đến năm 1958, chính quyền Sài Gòn ban hành *Sắc luật 13/58* ngày 03/10/1958 để quy định chặt chẽ hơn về thể lệ xuất, nhập của ngoại kiều.

Theo thống kê của Sở Di trú ngoại kiều, tính đến ngày 31/3/1961 có 235.176 người Hoa khai nhận và nhập Việt tịch, chỉ còn 2225 người Hoa xin gia hạn lưu ngụ với tư cách ngoại kiều. Số người Hoa nhập tịch do *Sắc lệnh* của Tổng thống là 597 người. Vì vậy, từ ngày 02/8/1961, chính quyền Sài Gòn quyết định về vấn đề nhập Việt tịch ở miền Nam Việt Nam như sau:

Sẽ để hạn tối thiểu là một năm; ít nhất Hoa kiều xin nhập tịch phải nói tiếng Việt; điều tra rõ ràng về nghề nghiệp, tài sản và năng lực; xét về hành vi chính trị và thành tích cũ, sẽ chỉ thu nhận những người có hạnh kiểm tốt và trung thành với Chính phủ Việt Nam Cộng hòa; các Bộ Ngoại giao, Nội vụ, Nha Trung Hoa Sự vụ (riêng với những đương đơn gốc Trung Hoa) sẽ trình bày ý kiến và tính cách thích nghi cho nhập Việt tịch đối với từng trường hợp (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.43).

Đối với việc nhập Việt tịch của nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam thì: “Chính phủ có toàn quyền cho nhập Việt tịch hay không, đó là một đặc ân đối với người xin hỏi, chứ không phải quyền cá nhân. Nếu từ chối, Chính phủ không phải viện dẫn lí do nào.” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.45). Khi nhóm người Hoa sinh tại Việt Nam hầu như đã nhập Việt tịch, chính quyền Sài Gòn bắt đầu hạn chế nhập cảnh cũng như việc lưu ngụ của người Trung Hoa và thường chỉ được gia hạn lưu ngụ nếu họ là chuyên viên (kỹ sư, bác sĩ, giáo sư) mà phía VNCH cần sự hợp tác, những người hoạt động trong những lĩnh vực có lợi cho nền kinh tế hay nền văn hóa quốc gia, hoặc xin gia hạn để đoàn tụ với gia đình. Do vậy, số người Hoa ở miền Nam Việt Nam nhập Việt tịch rất ít.

Như vậy, vấn đề nhập Việt tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 đến 1963, chính quyền Sài Gòn gia hạn qua hai giai đoạn:

Từ năm 1956 đến năm 1961, chính quyền VNCH đã tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, để nhanh chóng đưa người Hoa ở miền Nam Việt Nam phải điều chỉnh tình trạng quốc tịch theo Luật quốc tịch VNCH quy định (Dụ số 10). Tiêu chuẩn xét đơn chỉ căn cứ vào các điều kiện luật định. Sự dễ dãi này thể hiện ở các Dụ số 48 ngày 21/8/1956 *Điều 16 mới* là đặc biệt dễ dãi là việc khai nhận Việt tịch theo *Thông tư 118/THSV* ngày 27/12/1956. Do sự dễ dãi này, tính đến 1-1960 chỉ còn 2550 Hoa kiều với tư cách ngoại kiều đa số người Hoa ở miền Nam Việt Nam nhập Việt tịch ở giai đoạn này.

Từ năm 1961 đến ngày 01/11/1963, chính quyền hạn chế việc người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam nhập Việt tịch. Do vậy, số người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam nhập Việt tịch rất ít, tính đến hết năm 1963 là 759 người.

2.2. Thời kì 1963-1975

2.2.1. Với nhóm người Hoa sinh sống tại Việt Nam

Các thể thức chung về thủ tục nhập tịch đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam vẫn theo Dụ số 10. Đơn xin nhập Việt tịch được chính quyền Sài Gòn cho điều tra rõ ràng, kĩ lưỡng về an ninh và tình báo. Chính quyền Sài Gòn chỉ chấp nhận:

cho nhập Việt tịch những Hoa kiều xứng đáng và đồng hóa phần nào với dân tộc Việt Nam; hạn chế cho phép người Hoa kiều nhập cảnh và lưu trú; trục xuất các Hoa kiều nhập cảnh và lưu trú bất hợp pháp; tái xét những người Việt gốc Hoa khai man tờ khai danh dự sanh đẻ tại Việt Nam để được cấp dữ Việt tịch nguyên thủy theo Điều 16 Dụ số 48 ngày 21/8/1956. Có thể truất tịch để thanh lọc các phần tử bất xứng; truất tịch và trục xuất những phần tử Việt gốc Hoa bất hảo, có thái độ ngoại nhân (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.65).

Việc nhập tịch của người Hoa sinh tại Việt Nam giai đoạn này đã ổn định vì số người Hoa nhập tịch theo thể thức thông thường rất ít. Trọng tâm của vấn đề nhập tịch của người Hoa ở giai đoạn này là các trường hợp điều chỉnh tình trạng lưu ngụ cho các nhóm sau:

- **Điều chỉnh tình trạng cho người Hoa không có cha, mẹ ở Việt Nam**

Đầu năm 1971, Bộ Nội vụ VNCH yêu cầu các đương sự phải hội đủ 4 điều kiện: có khai sinh hoặc thế vì khai sinh hoặc chứng thư khai sinh hoặc có đăng bộ Hoa kiều tại Sở Ngoại kiều; xuất trình chứng thư quốc tịch do Sứ quán Trung Hoa cấp; không có thành tích bất hảo; cư ngụ tại Việt Nam 5 năm. Đối với nhóm này, chính quyền Sài Gòn kiểm soát gắt gao các điều kiện điều chỉnh tình trạng.

- **Điều chỉnh tình trạng cho người Nùng miền Bắc di cư vào miền Nam Việt Nam sau năm 1954**

Người Nùng là những người di cư từ Hoa Nam sang Bắc Việt, định cư nhiều ở tỉnh Quảng Ninh, sau năm 1954 di cư vào miền Nam Việt Nam. Theo thống kê của Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn VNCH, đến tháng 7/1955, số người Nùng di cư vào miền Nam Việt Nam là 13.306 người. Người Nùng ở Việt Nam có 2 nhánh chính:

Nhánh 1, cư ngụ ở vùng Cao-Bắc-Lạng, từ vùng Quảng Tây (Trung Hoa) sang Việt Nam từ thế kỉ XVI, Họ và tên của họ đã được Việt Nam hóa, phong tục, tập quán kể cả ngôn ngữ của họ cũng đã thay đổi giống như tộc người Tày.

Nhánh 2, từ Quảng Đông sang, lập nghiệp đông đảo ở vùng Móng Cáy, Tiên Yên, Đình Lập. Họ tên của họ tuy có phiên âm, nhưng chưa Việt hóa như: Vòng A Câu, Cay A Nhì, Ưng San Mộc... Phong tục, tập quán còn giữ như cũ, ngôn ngữ là tiếng Quảng Đông với thổ âm địa phương.

Người Nùng khi đến Việt Nam chỉ cần nộp cho nhà chức trách một tờ khai danh dự có thị thực xác nhận của cơ quan hành chính sở tại cho họ được điều chỉnh tình trạng cư ngụ. Nếu không hội đủ điều kiện trên thì muốn ở lại Việt Nam, người Nùng phải lập thủ tục nhập Việt tịch tại Tòa án, với những điều kiện dễ dàng hơn do Bộ Tư pháp VNCH quy định. Tuy nhiên, Bộ phát triển sắc tộc VNCH cho rằng những người Nùng không cần phải gia hạn lưu ngụ, vì họ đã qua Việt Nam từ lâu đời và Dự số 10 Điều 11 quy định: “những người nào bất luận có niên kỷ là bao nhiêu, thuộc các hạng sau đây đều có quốc tịch Việt Nam, dầu họ ở nơi nào cũng vậy, điểm c, những người dân thiểu số mà bản địa tại Việt Nam và theo tập tục truyền thống thuộc quốc gia Việt Nam” (Office of the President of the First Republic (1954-1963), Folder: 21643, p.14). Như vậy, theo Bộ Luật quốc tịch VNCH năm 1955, người Nùng thuộc cả hai nhánh trên đều là người Việt Nam.

2.2.2. Với nhóm người Hoa sinh sống ngoài lãnh thổ Việt Nam

- **Kiểm soát người Hoa sinh sống ngoài lãnh thổ Việt Nam**

Từ năm 1962, chính quyền Sài Gòn lập danh sách của Hoa kiều cư ngụ trong toàn quốc từ 15 tuổi trở lên. Danh sách này ghi đầy đủ chi tiết lí lịch, nhất là số và ngày cấp thẻ lưu ngụ, các Hoa kiều mỗi khi thay đổi chỗ ở đều phải khai báo. Trong khi lập danh sách các Hoa kiều nói trên các cơ quan hành chính địa phương phải: “kiểm soát xem họ có phép lưu ngụ hay không, nếu không bắt họ điều chỉnh gấp tình trạng; chú ý theo dõi các phần tử bất hảo và nếu cần áp dụng mọi biện pháp đối phó thích nghi.” (Office of the President of the Second Republic (1963-1975). Folder: 16602, p.5). Trên cơ sở đó, Hội đồng Liên Bộ họp ngày 30-4-1965 đề nghị các biện pháp tăng cường như sau:

trừng phạt nặng, nếu cần rút môn bài, tước quốc tịch và trục xuất khỏi Việt Nam cá nhân Hoa kiều hoặc người Việt gốc Hoa không chịu khai sổ gia đình, khai báo sổ gia đình, khai báo mỗi khi đổi chỗ ở hoặc chậm lĩnh thẻ căn cước; theo dõi những Hoa kiều được phép nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam và khi lưu trú gần mãn, báo cho họ biết để họ chuẩn bị rời khỏi Việt Nam; tầm nã, truy tố và trừng phạt nặng những Hoa kiều lưu trú bất hợp pháp; đặt những cơ quan kiểm soát đặc biệt các Hoa kiều và người Việt gốc Hoa (Office of the President of the Second Republic (1963-1975). Folder: 16602, p.9).

Cuối cùng, phiên họp Liên Bộ ngày 03/10/1969, quyết định đối với những Hoa kiều còn giữ quốc tịch nguyên thủy: kiểm soát chặt chẽ, trục xuất những phần tử bất hảo cũng như những người nhập cảnh lậu; hạn chế tối đa việc Hoa kiều nhập cảnh Việt Nam, ngoại trừ những chuyên viên cần thiết áp dụng đúng mức *Sắc luật 13/58* ngày 03/10/1958 ấn định thể lệ nhập nội, xuất ngoại, lưu trú tại Việt Nam cho những người ngoại quốc. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ tại phiên họp ngày 03/10/1969, tính đến ngày 26/8/1969, có 5773 người giữ quốc tịch nguyên thủy. Họ đóng số thuế là 40 đồng/năm và được cấp thẻ lưu ngụ (Office of the President of the Second Republic (1963-1975). Folder: 16602, p.17).

- Nhập tịch của người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam

Từ sau ngày 01/01/1963, chính phủ tiếp sau Chính phủ Ngô Đình Diệm không có chỉ thị về thủ tục xét đơn nhập tịch cho người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam đến năm 1964, số người Hoa ở Việt Nam giữ quốc tịch nguyên thủy không còn nhiều, nên việc cho nhập Việt tịch của nhóm người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam được chính quyền Sài Gòn xem như là một đặc ân chỉ dành cho những người nào có công trạng và thành tích giúp ích cho quốc gia VNCH.

Đến tháng 7 năm 1965, để hạn chế số Hoa kiều nhập Việt tịch, chính quyền Sài Gòn không ấn định thêm những biện pháp mới mà chỉ áp dụng chặt chẽ những biện pháp ở giai đoạn 1955-1963 và nhất là:

Hạn chế việc cho phép người Trung Hoa nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam và chỉ cho phép nhập cảnh và lưu trú những người có lí do chính đáng hoặc đặc biệt cần thiết như các chuyên viên; trừng phạt nặng và tống xuất những Hoa kiều lưu trú trái phép, hạn chế việc gia hạn lưu trú nhất là đối với những người gần đủ thời gian lưu trú tối thiểu để có thể xin nhập Việt tịch; lập một Ủy ban đặc biệt phụ trách về các vấn đề khảo sát các Hoa kiều xin nhập Việt tịch (Office of the President of the Second Republic (1963-1975). Folder: 16602, p.34)

Do vậy, số người Hoa với tư cách ngoại kiều nhập Việt tịch rất ít. Năm 1962 có 4 đơn, năm 1963 có 7/81 đơn, năm 1964 có 35/110 đơn, năm 1965 là 8/26 đơn của người Hoa xin nhập Việt tịch được Chính phủ VNCH chấp thuận.

- Điều chỉnh tình trạng cho người Hoa sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam

Một số người Hoa tự khai là người Trung Hoa từ Trung Hoa lục địa, từ miền Bắc Việt Nam hay từ Campuchia nhập cảnh vào VNCH một cách bất hợp pháp, không có chiếu khán và phiếu nhận nhập cảnh hợp lệ; không mang theo được giấy tờ hay chứng thư về lí lịch hay quốc tịch cấp tại quốc gia của họ. Sau một thời gian cư trú bất hợp pháp tại VNCH

những người Hoa trong tình trạng trên xin điều chỉnh tình trạng cư trú tại VNCH, với quốc tịch Trung Hoa và xin gia hạn lưu ngụ tại Việt Nam, với các chứng từ hộ tịch hay quốc tịch mới lập tại Việt Nam. Để giải quyết tình trạng trên, ngày 24/01/1975, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành 3 phiên họp Liên bộ tại Bộ Nội vụ nhằm soạn thảo thông tư về thủ tục cứu xét hồ sơ xin điều chỉnh tình trạng cư trú tại Việt Nam của người ngoại quốc với quốc tịch Trung Hoa. Trong đó, tiêu chuẩn gia hạn lưu ngụ tại Việt Nam có đề cập.

3. Kết luận

Như vậy để đưa khỏi người Hoa sinh sống lâu đời trên lãnh thổ Việt Nam trở thành công dân Việt Nam Cộng hòa, chính quyền VNCH đã sử dụng đến công cụ cao nhất của một chính thể, đó là ban hành Luật Quốc tịch Việt Nam (Dụ số 10). Trong việc xác định và đưa khỏi người Hoa sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam vào Việt tịch, chính quyền Sài Gòn đã phân tách cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam thành 2 nhóm: nhóm điều chỉnh tình trạng (Minh Hương và Hoa kiều thổ sinh) và nhóm nhập Việt tịch (Hoa kiều với tư cách ngoại kiều).

Việc điều chỉnh tình trạng của nhóm “đương nhiên có quốc tịch Việt Nam” theo luật định trải qua hai bước: nộp *Thẻ Lưỡng niên* và đổi tên họ. Quá hạn theo luật định mà người Hoa ở nhóm trên không điều chỉnh tình trạng thì sẽ bị trục xuất về Trung Hoa trước ngày 31/8/1957, còn nếu muốn ở lại Việt Nam, sẽ mang tư cách ngoại kiều. Chính quyền Sài Gòn thi hành một chính sách nhất quán đối với vấn đề nhập tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1975 nhằm giải quyết dứt điểm vấn đề phức tạp về quốc tịch của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Mục tiêu “Việt tịch hóa” người Hoa ở miền Nam Việt Nam của chính quyền VNCH đề ra đã được thực hiện.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan, A. (2005). *Người Hoa ở Nam Bộ [The Hoa in the South]*. Ho Chi Minh City: Social Sciences Publishing House.
- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Bien ban phien hop ngay 2-8-1961 tai van phong ong Tong Thu ki Phu Tong thong [Minutes of the meeting dated August 2 1961 at the Office of the Secretary General of the Presidential Office]*, Folder: 19842. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.
- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Cong van (khan) so 30-THSV ngay 18-10-1956 cua Dac uy Trung Hoa Su vu gui Do truong, Thi truong, Tinh truong [Official dispatch (Urgent) No. 30-THSV dated October 18 1956 of the Special Commissar of China Affairs to the Mayor, Mayor, Provincial Governor]*, Folder: 6579. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.

- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Cong van so 489-TTP/TTK ngay 13-5-1957 cua Phu Tong thong ve viec Hoa kieu sinh tai Viet Nam bieu tinh phan doi khong chiu nhap Viet tich* [Official dispatch No.489-TTP/TTK dated May 13 1957 of the Presidential Palace about overseas Chinese born in Vietnam protesting against their refusal to naturalize], Folder: 4988. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.
- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Ho so de nghi tam dinh chi viec di tru cua Hoa kieu sang Viet Nam* [Dossier of request for temporary suspension of the immigration of overseas Chinese to Vietnam by the Special Surveyor of the A Dong Department sent to the Prime Minister of Vietnam (Chairman of the BNV)], Folder: 21643. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.
- Office of the President of the Second Republic (1963-1975). *Ho so ve soan thao va hop ban mot so chinh sach doi voi nguoi Viet goc Hoa va Hoa kieu tai Viet Nam nam 1968-1969* [Dossier on drafting and meeting to discuss a number of policies towards Chinese-Vietnamese and overseas Chinese in Vietnam in 1968-1969], Folder: 16602. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.
- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Nghi dinh so 19-BNV/NA/P5 ngay 17-4-1957 cua Bo Noi vu* [Decree No.19-BNV/NA/P5 dated April 17 1957 of the Ministry of Home Affairs], Folder: 6579. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.
- Office of the President of the First Republic (1954-1963). *Viet Nam Thong tan xa, so 2148* [Vietnam News Agency, No.2148], Folder: 18718. National Archives Center Number 2, Ho Chi Minh City.

THE NATURALIZATION OF THE HOA COMMUNITIES IN SOUTHERN VIETNAM FROM 1955 TO 1975

Trịnh Thị Mai Linh^{1*}, Hoàng Dương Minh Tâm²

¹HCMC University of Technology and Education, Vietnam

²Phu Tho Secondary School, Hochiminh City, Vietnam

*Corresponding author: Trinh Thi Mai Linh – Email: linhttm@hcmute.edu.vn

Received: May 25, 2021; Revised: July 09, 2021; Accepted: July 20, 2021

ABSTRACT

The article focuses on understanding the naturalization of the Hoa communities in Southern Vietnam within two periods: 1955-1963 and 1963-1975. The government of the Republic of Vietnam, established in Southern Vietnam in 1955, began to take legal and administrative measures to recognise the Hoa as the citizens of the Republic of Vietnam. The article exploits most of the archives related to the measures taken by the Saigon government to manage the Hoa nationality through legal documents. The study will contribute to understanding of the Hoa communities from a historical perspective.

Keywords: the Saigon government; naturalization of the Hoa; the Hoa in Southern Vietnam